

Công ty Cổ phần  
Quản lý Quỹ Đầu tư FPT  
FPT Fund Management  
Joint Stock Company

**DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ  
CẤU ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ  
CHỨNG CHỈ ETF**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

**BASKET OF COMPONENT  
SECURITIES AND CASH  
TO EXCHANGE FOR ONE LOT OF ETF**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư  
To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Securities Depository, HoChiMinh Stock Exchange, Authorized Participant, Investors

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT/ FPT Fund Management Joint Stock Company
  - Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/ Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Ha Thanh Branch
  - Tên quỹ ETF/ETF name: Quỹ ETF FPT Capital VNX50/ FPT Capital VNX50 ETF
  - Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEFCV50**
  - Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Tầng 7, Khối 17 tầng, tòa nhà FPT Tower, Số 10, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
  - Điện thoại/Tel: (84)24 - 7300 1313 Fax:
  - Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: **30/05/2025**
  - Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/1 lot of ETF = 100 000 ETF shares
- Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

| STT   | Mã chứng khoán      | Số lượng      | Tỷ lệ % trong danh mục |
|-------|---------------------|---------------|------------------------|
| Order | Securities Symbol   | Volume        | Weighting              |
| I,    | Chứng khoán (Stock) | 1,208,864,500 | 92.55%                 |
| 1     | ACB                 | 2,000         | 3.26%                  |
| 2     | CTG                 | 600           | 1.79%                  |
| 3     | DCM                 | 300           | 0.77%                  |
| 4     | DGC                 | 200           | 1.37%                  |
| 5     | DIG                 | 310           | 0.39%                  |
| 6     | DPM                 | 300           | 0.77%                  |
| 7     | EIB                 | 600           | 1.05%                  |
| 8     | FPT                 | 1,320         | 11.83%                 |
| 9     | FRT                 | 100           | 1.28%                  |
| 10    | GEX                 | 630           | 1.73%                  |
| 11    | GMD                 | 130           | 0.60%                  |
| 12    | HCM                 | 400           | 0.78%                  |
| 13    | HDB                 | 1,400         | 2.36%                  |
| 14    | HPG                 | 1,660         | 3.25%                  |
| 15    | HSG                 | 510           | 0.64%                  |
| 16    | IDC                 | 200           | 0.67%                  |
| 17    | KBC                 | 1,000         | 2.06%                  |
| 18    | KDH                 | 600           | 1.36%                  |
| 19    | LPB                 | 1,700         | 4.16%                  |
| 20    | MBB                 | 1,500         | 2.81%                  |
| 21    | MSB                 | 1,300         | 1.16%                  |
| 22    | MSN                 | 500           | 2.43%                  |
| 23    | MWG                 | 1,000         | 4.92%                  |



|     |                              |               |         |
|-----|------------------------------|---------------|---------|
| 24  | NLG                          | 200           | 0.59%   |
| 25  | PDR                          | 600           | 0.81%   |
| 26  | PLX                          | 100           | 0.27%   |
| 27  | PNJ                          | 500           | 3.22%   |
| 28  | POW                          | 500           | 0.51%   |
| 29  | PVD                          | 300           | 0.43%   |
| 30  | PVS                          | 300           | 0.65%   |
| 31  | SAB                          | 100           | 0.38%   |
| 32  | SHB                          | 1,300         | 1.35%   |
| 33  | SHS                          | 550           | 0.56%   |
| 34  | SSB                          | 50            | 0.07%   |
| 35  | SSI                          | 1,950         | 3.51%   |
| 36  | STB                          | 500           | 1.58%   |
| 37  | TCB                          | 2,000         | 4.72%   |
| 38  | TPB                          | 2,190         | 2.25%   |
| 39  | VCB                          | 880           | 3.82%   |
| 40  | VCG                          | 400           | 0.68%   |
| 41  | VCI                          | 260           | 0.72%   |
| 42  | VHM                          | 200           | 1.18%   |
| 43  | VIB                          | 700           | 0.98%   |
| 44  | VIC                          | 400           | 2.97%   |
| 45  | VJC                          | 300           | 2.01%   |
| 46  | VND                          | 630           | 0.76%   |
| 47  | VNM                          | 1,000         | 4.22%   |
| 48  | VPB                          | 1,000         | 1.39%   |
| 49  | VPI                          | 100           | 0.41%   |
| 50  | VRE                          | 500           | 1.06%   |
| II, | <b>Tiền (Cash)</b>           | 97,334,596    | 7.45%   |
| II, | <b>Tổng ( Total) ( I+II)</b> | 1,306,199,096 | 100.00% |

-Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi /Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

-Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: 1,208,864,500

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,306,199,096

- Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 97,334,596

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/With cash component:

Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: *Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component*

Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: *Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

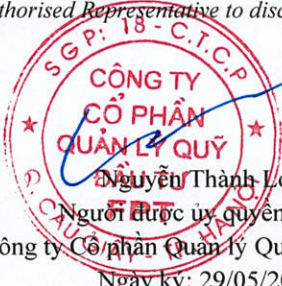
- Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

| Mã chứng khoán    | Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)  | Đối tượng áp dụng                           | Lý do                                                                                        |
|-------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| Securities symbol | Cash amount is replaced for 1 share (VND) | Applied investors                           | State the reason                                                                             |
| ACB               | 21,300                                    | Nhà đầu tư nước ngoài/<br>Foreign Investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit |
| FPT               | 117,100                                   | Nhà đầu tư nước ngoài/<br>Foreign Investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit |

|     |        |                                             |                                                                                              |
|-----|--------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| MBB | 24,500 | Nhà đầu tư nước ngoài/<br>Foreign Investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit |
| MWG | 64,300 | Nhà đầu tư nước ngoài/<br>Foreign Investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit |
| PNJ | 84,000 | Nhà đầu tư nước ngoài/<br>Foreign Investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit |
| TCB | 30,800 | Nhà đầu tư nước ngoài/<br>Foreign Investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit |
| TPB | 13,400 | Nhà đầu tư nước ngoài/<br>Foreign Investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit |
| VIB | 18,300 | Nhà đầu tư nước ngoài/<br>Foreign Investors | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit |

**Đại diện Công bố thông tin**

Authorised Representative to disclose information



Nguyễn Thành Long  
 Người được ủy quyền CBTT  
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT  
 Ngày ký: 29/05/2025